TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 07/2019/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 31 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Bản P, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Hà Văn H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản TV, xã CK, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị T và anh Hà Văn H

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Chị Hà Thị T và anh Hà Văn H nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Chị T, anh H có 02 con chung là cháu Hà Thúy K sinh ngày 12/02/2013 và cháu Hà Thị Kim C sinh ngày 10/01/2015. Giao cháu Hà Thúy K cho anh H trực

tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K trưởng thành. Giao cháu Hà Thị Kim C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu C trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị T, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhau.

Sau khi ly hôn, chị T, anh H được quyền thăm nom con; không ai được cản trở chị T, anh H thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị T, anh H đã tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: Chị T nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001827 ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Chị T được nhận lại số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng chẵn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện MS;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã CM;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Kiều Anh